

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

Số: 3/B/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 05 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của
UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 2 năm 2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1839/QĐ-BTNMT ngày 27/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 163/STNMT-VP ngày 22/01/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 01 thủ tục hành chính mới và bãi bỏ 26 thủ tục hành chính theo Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký..




Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (Bộ Tư pháp);
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Công TTCCHC tỉnh;
- Lưu: VT, DL, LT.

K. CHỦ TỊCH
HỒ CHỦ TỊCH



Nguyễn Duy Bắc

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI VỀ LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 313 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2015 của
Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

| STT | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|-----|--|----------|------------------------|
| 1 | Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Đất đai | Ủy ban nhân dân cấp xã |

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

| STT | Số hồ sơ | Tên Thủ tục hành chính | Tên Văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính |
|----------------------------|----------|---|---|
| I. Lĩnh vực Đất đai | | | |
| 01 | | Tiếp nhận hồ sơ giao đất trồng cây hàng năm, đất làm muối đối với hộ gia đình, cá nhân (Sửa đổi nội dung) | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2014 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. |
| 02 | | Tiếp nhận hồ sơ giao đất, cho thuê đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất vùng | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2014 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. |

| | | | |
|----|--|--|---|
| | | đệm của rừng đặc dụng, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác đối với hộ gia đình, cá nhân (Sửa đổi nội dung) | <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. |
| 03 | | Tiếp nhận hồ sơ giao đất làm nhà ở đối với hộ gia đình, cá nhân tại nông thôn không thuộc trường hợp phải đấu giá quyền sử dụng đất (Sửa đổi nội dung) | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. |
| 04 | | Tiếp nhận hồ sơ giao đất làm nhà ở đô thị không thuộc trường hợp phải đấu giá quyền sử dụng đất (Bổ sung) | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. |
| 05 | | Tiếp nhận hồ sơ giao đất làm nhà ở tái định cư đối với hộ gia đình, cá nhân (Bổ sung) | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều |

| | | | |
|----|--|---|---|
| | | | <p>của Luật Đất đai...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. |
| 06 | | Tiếp nhận hồ sơ chuyển đổi quyền sử dụng đất theo chủ trương chung về dồn điền, đổi thửa (Sửa đổi nội dung) | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. |
| 07 | | Tiếp nhận hồ sơ chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa hai hộ gia đình, cá nhân (Sửa đổi nội dung) | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. |
| 08 | | Tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đối với đất sử dụng cho | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của |

| | | | |
|----|--|--|---|
| | | kinh tế trang trại (Sửa đổi nội dung) | <p>Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. |
| 09 | | Tiếp nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất tại xã, thị trấn (Đăng ký đất đai ban đầu đối với trường hợp đang sử dụng đất mà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) (Sửa đổi nội dung) | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. |
| 10 | | Tiếp nhận hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận do mất Giấy chứng nhận (Bổ sung) | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. |

| | | | |
|----|--|--|---|
| 11 | | <p>Tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền đối với trường hợp thửa đất không có tài sản gắn liền với đất hoặc có tài sản nhưng không cần chứng nhận quyền sở hữu hoặc có tài sản nhưng thuộc quyền sở hữu của chủ khác (Bổ sung)</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. |
| 12 | | <p>Tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất (Bổ sung).</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. |
| 13 | | <p>Tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu nhà ở, công trình xây dựng (Bổ sung)</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. |

| | | | |
|----|--|--|---|
| | | | định về hồ sơ địa chính. |
| 14 | | Tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng (Bổ sung). | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. |
| 15 | | Tiếp nhận hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Sửa đổi nội dung) | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. |
| 16 | | Tiếp nhận hồ sơ thừa kế quyền sử dụng đất (Sửa đổi nội dung) | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày |

| | | | |
|----|--|--|---|
| | | | 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. |
| 17 | | Tiếp nhận hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất (Sửa đổi nội dung) | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. |
| 18 | | Tiếp nhận hồ sơ đăng ký chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (Bổ sung). | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. |
| 19 | | Tiếp nhận hồ sơ đăng ký chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (Bổ sung) | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. |

| | | | |
|----|--|--|---|
| | | | - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. |
| 20 | | Tiếp nhận hồ sơ đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (Bổ sung) | - Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. |
| 21 | | Tiếp nhận hồ sơ đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất (Bổ sung) | - Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. |
| 22 | | Tiếp nhận hồ sơ đăng ký cho thuê, cho thuê lại tài sản gắn liền với đất (Bổ sung) | - Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với |

| | | | |
|----|------------------|--|---|
| | | | đất. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. |
| 23 | | Tiếp nhận hồ sơ xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (Bổ sung) | - Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; . - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. |
| 24 | T-KHA-093371-III | Xác nhận tình trạng nhà, đất để làm hộ khẩu (Sửa đổi nội dung) | - Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. |
| 25 | T-KHA-093363-III | Cung cấp thông tin đất đai (Sửa đổi nội dung) | - Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, |

| | | | |
|----------------------------------|----------------------------------|--|---|
| | | | <p>quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính.</p> |
| <p>• II. Lĩnh vực Môi trường</p> | | | |
| 01 | <p>T-KHA- 093374- TT</p> | <p>Xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường (Sửa đổi nội dung)</p> | <p>- Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá Môi trường Chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá Môi trường Chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;</p> |

PHẦN II. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Lĩnh vực đất đai

1. Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Trình tự thực hiện:

- Người đề nghị nộp đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm: thẩm tra, xác minh tìm hiểu nguyên nhân phát sinh tranh chấp, thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan do các bên cung cấp về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất.

- Thành lập Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai để thực hiện hòa giải. Thành phần Hội đồng gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân là Chủ tịch Hội đồng; đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn; tổ trưởng tổ dân phố đối với khu vực đô thị; trưởng thôn, ấp đối với khu vực nông thôn; đại diện của một số hộ dân sinh sống lâu đời tại xã, phường, thị trấn biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất đó; cán bộ địa chính, cán bộ tư pháp xã, phường, thị trấn. Tùy từng trường hợp cụ thể, có thể mời đại diện Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

- Tổ chức cuộc họp hòa giải có sự tham gia của các bên tranh chấp, thành viên Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Việc hòa giải chỉ được tiến hành khi các bên tranh chấp đều có mặt. Trường hợp một trong các bên tranh chấp vắng mặt đến lần thứ hai thì được coi là việc hòa giải không thành.

- Kết quả hòa giải tranh chấp đất đai phải được lập thành biên bản, gồm có các nội dung: Thời gian và địa điểm tiến hành hòa giải; thành phần tham dự hòa giải; tóm tắt nội dung tranh chấp thể hiện rõ về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất đang tranh chấp, nguyên nhân phát sinh tranh chấp (theo kết quả xác minh, tìm hiểu); ý kiến của Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai; những nội dung đã được các bên tranh chấp thỏa thuận, không thỏa thuận được. Biên bản hòa giải phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng, các bên tranh chấp có mặt tại buổi hòa giải, các thành viên tham gia hòa giải và phải đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã; đồng thời phải được gửi ngay cho các bên tranh chấp và lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Sau thời hạn 10 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà các bên tranh chấp có ý kiến bằng văn bản về nội dung khác với nội dung đã thống nhất trong biên bản hòa giải thành thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lại cuộc

hợp Hội đồng hòa giải để xem xét giải quyết đối với ý kiến bổ sung và phải lập biên bản hòa giải thành hoặc không thành.

- Trường hợp hòa giải thành mà có thay đổi hiện trạng về ranh giới sử dụng đất, chủ sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã gửi biên bản hòa giải thành đến Phòng Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư với nhau; gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các trường hợp khác.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định công nhận việc thay đổi ranh giới thửa đất và cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng.

- Trường hợp hòa giải không thành hoặc sau khi hòa giải thành mà có ít nhất một trong các bên thay đổi ý kiến về kết quả hòa giải thì UBND xã lập biên bản hòa giải không thành và hướng dẫn các bên tranh chấp gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp tiếp theo.

2. Cách thức thực hiện:

- Người có đơn yêu cầu hòa giải gửi đơn đến UBND cấp xã.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai.

4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định

- Thời hạn giải quyết: không quá 45 ngày; đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện thì được tăng thêm 15 ngày.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn; tổ trưởng tổ dân phố đối với khu vực đô thị; trưởng thôn, ấp đối với khu vực nông thôn; đại diện của một số hộ dân sinh sống lâu đời tại xã, phường, thị trấn biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất đó; cán bộ địa chính, cán bộ tư pháp xã, phường, thị trấn. Tùy từng trường hợp cụ thể, có thể mời đại diện Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Biên bản hòa giải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng hòa giải, các bên tranh chấp có mặt tại buổi hòa giải, các thành viên tham gia hòa giải (có đóng dấu UBND cấp xã);

- Biên bản hòa giải được gửi cho các bên tranh chấp và lưu tại UBND cấp xã.

8. Lệ phí (nếu có): không quy định.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không quy định.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): không quy định.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013, có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2014;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2014.

